

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HS-PT

Ngày: 19-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh

Ông Lê Minh T1

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 127/2020/TLST-HS ngày 14/8/2020 do có kháng cáo của bị cáo Đoàn Quốc V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo:

Đặng Quốc V (tên gọi khác Q), sinh năm 1985. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 3, thị trấn G, huyện D, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Hồng O; Vợ Tạ Thị Mỹ L: Con 02 người sinh năm 2010 và 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2017 cho đến ngày 12/10/2018 được tại ngoại. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/7/2019. (vắng mặt)

Bị cáo không kháng cáo:

1. Đoàn Minh T (tên gọi khác T), sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, TP.HCM. (có mặt)

2. Bùi Văn S, sinh năm: 1998. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: Ấp 3, xã T, huyện B, TP. HCM. (có mặt)

3. Võ Văn N, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở: Ấp 2, xã B, huyện B, TP. HCM. (Vắng mặt).

4. Nguyễn Quang B, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Số 1275/2, Quốc lộ 1A, Khu phố 1, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. HCM. (có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Châu T1, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp C, xã LL, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

- Bị cáo:

1. Phạm Huyền V, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, TP. HCM;

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Phường 7, Quận 5, TP. HCM. Chỗ ở: Ấp 3, xã T, huyện B, TP. HCM;

3. Lê Hoàng N1, sinh năm 1998. Nơi cư trú: xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở: Ấp 3, xã T, huyện B, TP. HCM.

4. Trần Minh H, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, TP. HCM;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đoàn Văn T2, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, TP. HCM.

2. Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố 16, Tỉnh lộ 10, phường B, quận B, TP. HCM.

3. Anh Trần T3, sinh năm 1982; địa chỉ: Khóm 4, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Anh Đào Bảo H, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, TP. HCM.

5. Anh Phan Văn Quốc H1; sinh năm 1993; địa chỉ: Phường 4, Quận 10, TP. HCM. Chỗ ở hiện nay: ấp C, phường B, quận B, TP. HCM.

6. Bà Nguyễn Hồng O, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

7. Anh Nguyễn Hữu Như P, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, TP. HCM.

8. Chị Đồng Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp số 03, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, TP. HCM.

10. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Phường 7, Quận 5, TP. HCM. Chỗ ở: xã T, huyện B, TP. HCM.

11. Anh Trương Hoàng K, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, TP. HCM.

12. Anh Đinh Thanh T3, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện B, TP. HCM.

13. Anh Nguyễn Phi T4, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, TP. HCM.

14. Anh Phan Thành D, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, TP. HCM.

15. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, TP. HCM.

16. Bà Trần Thị P, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, TP. HCM.

17. Chị Võ Thị G, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở: Ấp 3, xã B, huyện B, TP. HCM.

18. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố 1, phường A, quận B, TP. HCM.

19. Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18/8/2017, Nguyễn Hoàng Duy T5 thông báo cho Đoàn Minh T biết khuya ngày 18/8/2017, rạng sáng ngày 19/8/2017 sẽ có một số đối tượng đua xe trái phép ở khu vực ngã tư X, huyện C, tỉnh Long An. Nghe vậy, T điện thoại rủ Đặng Quốc V, Võ Văn N đi xem đua xe, tất cả đồng ý và đến nhà của Phạm Huyền V ngụ tại thị trấn T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh để cùng đi. Thời điểm này, tại tầng trệt nhà V có Trần Minh H, Phan Thành D, Nguyễn Phi T4 đang phụ giúp V sửa xe. Còn T, V, N và Bùi Văn S (S và T đang tạm trú tại nhà V) tụ tập chơi tại phòng riêng của V trên lầu. Lúc này, T, S, V và N bàn bạc và thống nhất cùng nhau đến khu vực ngã tư X xem đua xe, đốt pháo tạo tiếng nổ, giả làm Công an bắn súng bắt xe đem về sử dụng. Đồng thời phân công nhiệm vụ và chuẩn bị phương tiện, công cụ như N sẽ đốt pháo để tạo tiếng nổ, S đi theo chạy xe về khi chiếm đoạt được. Liên sau đó, N lấy pháo; T đi về phòng lấy 01 (một) cây súng; V lấy 01 (một) cây súng dạng Colt bỏ vào túi và 01 khóa số 8. T điện thoại rủ thêm Nguyễn Quang B để cùng tham gia đi xem đua xe. S liên hệ với Lê Hoàng N1 hỏi mượn xe để đi xem đua xe. Trong lúc nhóm T bàn bạc, V có đi lên lầu, nghe S việc nên V kêu để S ở nhà phụ sửa xe, nhưng T và S bất chấp lời của V. V xuống tầng trệt nói cho T4 biết ý định chiếm đoạt xe của nhóm T.

Sau đó, S đến nhà N1 đòi lấy xe Winner, biển kiểm soát 84L1 - 804.92 của N1 rồi chạy về nhà V. Đến 23 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 59S1 - 375.52 chạy một mình đến nhà V, B đứng trước cổng, điện thoại kêu T xuống. Khi đi T đem 01 (một) cây súng bắn đạn bi sắt, màu trắng, loại súng ổ quay, cất trong người (súng do V đưa tiền kêu T và N lên

mạng liên hệ mua); V đem 01 (một) khóa số 8, màu trắng có ký hiệu BỘ CÔNG AN – E16 2007 và 01 (một) cây súng bắn đạn bi sắt, màu đen, kiểu dáng Colt ASGT No 871072 có ký hiệu M1911A1 U.S.ARMY, đựng trong tép mang trước ngực (súng V khai nhận đã mua của Nguyễn Hữu Như P, sinh năm: 1984 ngụ Ấp 4, xã T, B, TP. HCM). T chở V bằng xe Winner biển kiểm soát 84L1 - 804.92 của Lê Hoàng N1; N đem 02 (hai) trái pháo tròn, vỏ bằng nhựa đường kính 02 cm và 01 (một) đèn pin loại 02 pin đi cùng xe Exciter biển kiểm soát 59S1-375.52 của B do B điều khiển. S điều khiển xe Wave biển kiểm soát 94B1 - 218.39 của V, đi một mình. Trong thời gian này, Nguyễn Hoàng Duy T5 điện thoại cho Nguyễn Văn P, thì biết P đang đi chơi với bạn gái tên Phạm Thị Kiều D, sinh năm: 2001 ngụ ấp T, xã T, C, Trà Vinh. T5 rủ P xuống khu vực ngã tư X, huyện Cần Đước để xem đua xe, nên P chở bạn gái cùng đi nhưng không đi cùng nhóm T. Khi đến khu vực Chợ Đệm, huyện Bình Chánh, T và B điều khiển xe chạy song song gần nhau, V chuyển súng Colt ASGT No 871072 có ký hiệu M1911A1 U.S.ARMY đựng trong tép cho N giữ và nói lại cho T biết. Khi đến địa điểm đua xe trái phép, do thấy tụ tập rất đông người, nên nhóm của T không dám thực hiện hành vi chiếm đoạt xe như đã bàn bạc.

Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng đua xe trái phép giải tán. Nhóm của T lưu thông qua ngã tư X, theo đường Tỉnh lộ 826 hướng về Ủy ban nhân dân xã Long Trạch khoảng 500m, (đường có đèn đường mở sáng), nhóm của T thấy có nhóm xe gồm: Nguyễn Châu T1 điều khiển mô tô Exciter biển kiểm soát 62L1 - 227.20, Nguyễn Toàn D, Cao Cao C, Trần Thanh T cùng một số người khác đang lưu thông cùng chiều phía trước. Thấy vậy, cả nhóm T trao đổi thống nhất thực hiện chiếm đoạt xe như bàn bạc trước đó. Lúc này, T chở V tăng ga chạy lên để áp sát vào nhóm xe của T1, T kêu V rút súng đang dắt sau lưng của T để thủ sẵn. V rút súng, cầm trên tay phải và giấu súng phía sau lưng T. Còn B điều khiển xe chở N, N ngồi sau lấy pháo đốt, rồi vút vào lề phải, tạo tiếng nổ lớn. Khi nghe pháo nổ, nhóm của T1 nghĩ rằng Công an bắn súng đuổi bắt nên tăng ga bỏ chạy, riêng T1 vẫn chạy bình thường. T chở V vượt lên bên phải và cúp đầu xe của T1. Liên lúc đó, S điều khiển xe từ phía sau chạy lên, cặp bên trái xe T1, S dùng chân phải đạp vào bánh trước, làm xe của T1 và xe của T va chạm ngã xuống đường. T và V ngồi dậy, V dùng súng đe dọa T1. B chở N đến và dừng xe giữa lộ phía sau nơi xe T1 ngã khoảng 06m. N bước xuống xe, rút súng cầm trên tay phải và cầm đèn pin trên tay trái. N nghe V la “Phe nó xuống, chặn nó lại” nên N đi ra giữa lộ, mặt quay về hướng ngã tư X, một tay cầm súng chĩa hướng xuống đất, tay còn lại cầm đèn pin bật sáng, rọi về hướng ngã tư X. Nguyễn Văn P chở Phạm Thị Kiều D chạy đến, P thấy có xe ngã và có nhiều người đứng nhưng không biết là ai, không biết chuyện gì xảy ra, P cho xe vượt qua và tiếp tục đi. Riêng S, sau khi đạp xe của T1 ngã, S dừng xe lại phía trước, cách xe T1 khoảng 2m, đi bộ lại, dựng xe mô tô của T1 lên, dẫn xe về trước 01m, S nói với V: “Xe anh kia”, rồi để máy xe của T1 chạy theo hướng Cầu Tràm về nhà V. Tiếp tục, V cầm súng đứng gần T1 quát: “Chờ nó về đồn”, T dùng tay không chế T1 lên xe T, T vừa điều khiển xe vừa không chế chở T1 về hướng Ủy ban nhân dân xã Long Trạch. V cầm súng và điều khiển xe mô tô

do S để lại, cùng B chở N (N cầm súng) chạy phía sau xe của T, cùng T không chế T1, không cho T1 xuống xe. Trên đường đi, T nói với T1 sẽ chở về trụ sở cơ quan nói chuyện. T1 định nhảy xuống xe, nhưng do thấy có B, N, V chạy phía sau, lại đang cầm súng nên T1 không dám nhảy. Khi T chở T1 qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long Trạch khoảng 50m, T dừng xe lại bên lề phải, T1 nhảy xuống xe, V và B dừng xe phía sau T1, N xuống xe cầm súng và đèn pin, đi ra giữa lộ đứng canh giới. Khi đó, V móc khóa (còng) số 8 đưa cho N, kêu N còng T1 lại, N nhận khóa số 8 của V đưa nhưng N không còng. T kêu T1 cho số điện thoại, kêu T1 ngày mai đem tiền qua xã Phước Lý huyện Cần Giuộc để chuộc xe, rồi nhóm của T bỏ T1 lại và chạy về nhà V.

Khi S điều khiển xe mô tô chiếm đoạt được về đến nhà V, lúc này H, T4, D và V đang sửa xe ở tầng trệt. S dựng xe gần chỗ T4, rồi đi xuống nhà sau nằm. Khoảng 10 phút sau, T, V, N và B về đến. B cho N xuống nhà V, rồi B ra về nhà. Khi T vào, V hỏi T về nguồn gốc xe mô tô biển kiểm soát 62L1 - 227.20 mà S vừa đem về, T kể lại chi tiết cho V nghe diễn biến vụ việc, hành động của từng người tham gia. Ngay sau đó T kêu H và D phụ giúp tháo dàn áo, đồ gác chân xe vừa chiếm đoạt được. Sau khi tháo xong, S đem ra nhà kho của V cất giấu.

Chiều ngày 19/8/2017, N1 đem xe của S đến nhà V để đổi xe lại. Khi đó, N1 thấy xe của mình bị trầy, nên N1 hỏi lý do thì được S kể lại toàn bộ diễn biến vụ việc cho N1 nghe và khoảng 01 tuần sau đó, N1 được S chỉ xem xe mô tô mà nhóm của T đã chiếm đoạt được.

Vài hôm sau, khi P đến nhà V chơi và nhìn thấy cục máy gắn trên sườn xe, nên P hỏi T4 và T4 khuyên P đừng đụng vô xe này, sau đó P nghe S và T nói chuyện thì được biết là chiếc Exciter trên là do nhóm T chiếm đoạt được vào đêm 18/8/2017 đồng thời được S chỉ xem sườn xe và cục máy.

Khoảng 02 đến 03 ngày sau (20/8/2017 - 21/8/2017) T nhờ H tháo cục máy ra khỏi sườn xe. T lấy kéo, chày gỗ và đồ đập nước đá bằng kim loại đục sửa số máy, số khung của xe 62L1 - 227.20, T nhờ ông Đoàn Văn T2 (ông nội của T) chở cục máy về nhà cất. Khoảng hơn 01 tuần sau (25/8/2017- 28/8/2017) N1 đến nhà V chơi, T nhờ N1 và S đem phần khung xe qua bãi cát của gia đình nhà V cất giấu, phụ tùng của xe 62L1 - 227.20 được để rải rác tại nhà V. Riêng dàn áo xe, sau ngày 18/8/2017 khoảng 01 đến 02 ngày, T lấy sơn, sơn lại và để trên lầu nhà V, đến ngày 01/9/2017 P lấy dàn áo và đầu đèn xe Exciter nói trên gắn vào xe P để sử dụng.

Sau đêm 18/8/2017 (khoảng 05 đến 06 ngày) H nghe T4 và V kể lại việc nhóm của T xem đua xe rồi chiếm đoạt xe của người khác, lúc này H biết ngay xe Exciter mà S đem về đêm 18/8/2017 là xe do nhóm của T chiếm đoạt của người khác. Ngày 08/9/2017, S chở sườn xe Exciter mà nhóm T chiếm đoạt được đến tiệm giao cho H và ngày 11/9/2017, H đến nhà V chở thùng phụ tùng đem về tiệm để ráp xe lại theo lời yêu cầu của T. Nhưng đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì S gọi điện thoại báo cho H biết việc T bị Công an mời làm việc vì có

liên quan đến việc chiếm đoạt xe mô tô của người khác và kêu H đem sườn xe trên đi giấu. Nghe vậy, H đem sườn xe đến chuồng bò của gia đình cất giấu.

Tại bản kết luận định giá T sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 07 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND huyện Cần Đức xác định: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 62L1 - 227.20 là 27.023.000 đồng

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã xử:

[1] Tuyên bố:

- Các bị cáo Đoàn Minh T, Bùi Văn S, Võ Văn N và Đặng Quốc V phạm tội “Cướp tài sản”;

- Bị cáo Nguyễn Quang B phạm tội “Không tố giác tội phạm”;

- Các bị cáo Phạm Huyền V và Trần Minh H phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Bị cáo Lê Hoàng N1 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

[2] Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20, Điều 33; Điều 45; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đoàn Minh T 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 12/9/2017.

[3] Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20, Điều 33; Điều 45; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 12/9/2017.

[4] Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20, Điều 33; Điều 45; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Võ Văn N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/9/2017.

[5] Căn cứ: Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đoàn Minh T, Bùi Văn S và Võ Văn N, mỗi bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/6/2020 để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20, Điều 33; Điều 45; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc V 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 12/9/2017 đến ngày 12/10/2018).

[7] Căn cứ: Khoản 1 Điều 314; Điều 33; Điều 45; điểm h và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Khoản 1 Điều 390; Điều 19; Điều 38; Điều 50; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang B 01 (Một) năm 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù bằng với thời hạn bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 15/9/2017 cho đến ngày 12/10/2018.

[8] Căn cứ: Khoản 1 Điều 250; Điều 33; Điều 45; các điểm h và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Huyền V 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/6/2020;

Giao bị cáo Phạm Huyền V cho Ủy ban nhân dân Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách, bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

[9] Căn cứ: Khoản 1 Điều 313; Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Khoản 1 Điều 389; Điều 18; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng N1 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/6/2020;

Giao bị cáo Lê Hoàng N1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách, bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

[10] Căn cứ: Khoản 1 Điều 250; Điều 33; Điều 45; các h và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/6/2020;

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách, bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

[11] Căn cứ: Khoản 1 Điều 250; Điều 33; Điều 45; các h và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Minh H 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/6/2020;

Giao bị cáo Trần Minh H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách, bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

[12] Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 30/6/2020, bị cáo Đặng Quốc V kháng cáo, bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản” mà chỉ phạm tội “Không tố giác tội phạm” và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, S xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng, không oan, các bị cáo không có kháng cáo.

Bị cáo V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án bị cáo V có lời khai: Tại phòng của V, T có nói “*Chút đi coi đưa xe, coi có chiếc xe nào độ độ giả làm Công an lấy về*” hay không thì bị cáo không biết vì lúc đó bị cáo đang nghe nhạc. Bản thân bị cáo là người không có biết chữ, nên khi lấy lời khai đọc

như thế nào thì bị cáo nghe như thế đó, chứ bị cáo không có đọc được lời khai. Khi đi xem đua xe bị cáo mang theo 01 cái khóa số 8 để trong túi quần, nhưng không có chìa mở khóa; còn súng thì trước đó bị cáo để lại tại nhà của V, nên chỉ cầm xuống đi ra ngoài cổng nhà của V thì đưa cho N giữ luôn, đây là súng đồ chơi (Súng và khóa số 8 do Nguyễn Hữu Như P cho hay bán cho bị cáo thì không nhớ). Bị cáo nghĩ mang theo còng số 8 và súng đồ chơi là không vi phạm pháp luật. Khi đến điểm đua xe thì ngồi trên xe để xem. Sau khi xem đua xe đi về không có ai bàn bạc gì hết, sau khi hai xe chạy song song nhau thì thấy T chạy xe nhanh lên bắt kịp nhóm đua xe đi về phía trước thì nghe pháo nổ. Xe của T điều khiển bị va chạm ngã xuống đường, bị cáo T đứng dậy dựng xe lên, còn xe T1 ngã ở đâu cũng không thấy do té bị đau và đang khom ngồi dậy nhặt cây súng của T bị rớt cầm trên tay, cũng không thấy S tại đó, nhưng có nghe S hay T gì đó nói “Xe anh kìa”, xe này khi đi thì đưa cho bị cáo S điều khiển đi một mình. V có nói “Phe nó xuống, chặn nó lại”. Khi T điều khiển xe chở T1 đi thì bị cáo cũng điều khiển xe chạy theo, khi T dừng xe bỏ T1 xuống thì bị cáo cũng có dừng xe và đưa khóa số 8 cho N kêu “Còng nó lại”. Tuy nhiên bị cáo nói như vậy là sợ có đánh nhau và nhằm mục đích hù dọa, lấy oai với bị hại. Bị cáo V xác định lời khai tại phiên tòa là đúng, còn lời khai trước đây do khi mới bị bắt vô không xác định được lời khai.

Bị hại anh Nguyễn Châu T1 giữ nguyên lời trình bày trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm.

Bị cáo N vắng mặt được công bố lời khai trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm tại phiên tòa: Tại phòng của V thì V và T đã chuẩn bị súng sau đó cả nhóm ra khỏi phòng, khi đi thì V đã đưa súng cho bị cáo N. V là người nói “Phe nó xuống, chặn nó lại”, khi chở T1 đi thì V và N cùng chạy theo sau đi được khoảng 30m thì dừng lại V có đưa bị cáo N còng số 8 kêu bị cáo “Còng nó lại”. (Bút lục số 435, 436).

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Bị cáo Đặng Quốc V thực hiện kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Hành vi của bị cáo Đặng Quốc V bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp chặn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Đặng Quốc V thực hiện việc kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Khoảng hơn 22 giờ ngày 18/8/2017 sau khi nghe có tổ chức đua xe tại ngã tư X, thuộc huyện Cần Đước thì bị cáo T, S, V và N bàn bạc thống nhất cùng nhau đến khu vực xem đua xe, sau đó giả làm Công an bắn súng bằng cách đốt pháo tạo tiếng nổ và bắt xe mang về sử dụng. T phân công: T và V ép xe và đập xe, S lấy xe, N và B hỗ trợ quan sát, cảnh giới. V và T4 cũng biết kế hoạch của những người này nhưng không báo ai. Khi đi các bị cáo có đem theo 01 khóa số 8 màu trắng, 02 khẩu súng, 01 trái pháo và 01 đèn pin. Lúc 23 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi xem đua xe xong quay trở về thì N, B, V, T, S điều khiển xe đi từ hướng Ngã tư X đi về Tp- HCM trên đường Tỉnh lộ 826 thuộc khu vực xã Long Trạch, huyện Cần Đước. N đã đốt pháo và ném xuống đường, làm cho nhóm đua xe hoảng sợ tưởng là Công an đuổi bắt giữ xe. T, V chạy xe song song với anh Nguyễn Châu T1 và T nói “*Vô lễ, để Công an kiểm tra*”, S dùng chân đạp làm xe của anh T1 ngã xuống đường. S chiếm đoạt xe của anh T1 đem về nhà của V. T, S nhờ H và D tháo phụ tùng của chiếc xe này đem cất giấu, và P có tham gia tiêu thụ tài sản này. Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 62L1- 22.720 mà các bị cáo chiếm đoạt là 27.023.000 đồng.

Hành vi của bị cáo V cùng với các bị cáo T, N, S đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015) nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Quốc V không thừa nhận cùng với các bị cáo T, S và N chiếm đoạt xe mô tô của anh T1 với lý do T chỉ rủ đi xem đua xe, không nghe T nói “Chút đi coi đua xe, coi có chiếc xe nào độ giả làm Công an lấy về” tại phòng của V và cũng không được ai bàn bạc hay phân công vai trò gì và trên đường đi về cũng vậy. Tuy nhiên, qua lời khai của bị cáo V và các bị cáo trong hồ sơ vụ án cũng như tại 02 phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm trước đây thể hiện, trước khi đi bị cáo V đã chuẩn bị súng và còng số 8, khi đi bị cáo đưa súng cho N, tại hiện trường vụ án bị cáo V có hành vi kêu bị cáo N “Phe nó xuống, chặn nó lại” “Chờ nó về đồn” và đưa còng số 8 cho N, kêu N “Còng tay nó lại”.

Khi thấy anh T1, T chở V tăng ga chạy lên áp sát nhóm xe T1, T kêu V lấy súng đang giắt sau lưng T để thủ sẵn rồi chở V chạy lên cúp đầu xe của T1. S đập xe T1 khiến xe T và T1 cùng ngã xuống. T và V ngồi dậy, V dùng súng đe dọa T1.

Sau đó V cầm súng và điều khiển xe S để khống chế T1 và nói chờ về trụ sở nhưng tất cả đều không phải là công an hoặc lực lượng thi hành công vụ như vậy đã thực hiện theo kế hoạch đã thỏa thuận trước. Các đồng phạm khác T, S tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng vẫn khẳng định V có tham gia chiếm đoạt

xe của anh T1 các bị cáo còn lại đều khai V đồng phạm tội cướp tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo V về tội danh trên là đúng không oan.

Bị cáo V kháng cáo kêu oan cho rằng hành vi của bị cáo không nhằm chiếm đoạt tài sản của T1 vì khi té xe xong đứng dậy thì không thấy xe của T1 và S đâu và không thể biết là S lấy xe của T1, sợ dĩ bị cáo nói như vậy là sợ có đánh nhau nên hù dọa, lấy oai với T1 nên chỉ phạm tội không tố giác tội phạm. Tuy nhiên bị cáo tham gia ngay từ đầu, mang theo còng, móc súng chuẩn bị sẵn, có lời lẽ đe dọa bị hại khiến bị hại hoảng sợ để chiếm đoạt tài sản, sau khi chiếm đoạt xe của anh T1 thì S điều khiển xe của anh T1, còn bị cáo V điều khiển xe của S rời khỏi hiện trường đem đi tiêu thụ; hành vi này chứng minh ý thức chủ quan của bị cáo cố ý cùng các đồng phạm khác thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại T1, chứ không phải các bị cáo khác đã thực hiện xong hành vi cướp tài sản của anh T1 thì bị cáo V mới xuất hiện, mới tham gia; Vì vậy hành vi của V thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” chứ không thỏa mãn dấu hiệu tội “Không tố giác tội phạm” như lời khai của bị cáo; Bị cáo V kháng cáo cho rằng không phạm tội Cướp tài sản là không căn cứ, không được chấp nhận.

Bị cáo V kháng cáo nhưng bỏ đi khỏi nơi cư trú, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ đến phiên tòa phúc thẩm nhưng bị cáo V vắng mặt không có lý do thể hiện bị cáo không ăn năn hối cải, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên cần bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo Đặng Quốc V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Quốc V; Giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Tuyên bố bị cáo: Đặng Quốc V phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc V **03 (Ba) năm** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án. (Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 12/9/2017 đến ngày 12/10/2018).

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đặng Quốc V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Dung